



shēng mìng

生命

Noun · life

Example Sentences

shēng mìng hěn bǎo guì

生命很宝贵。

Life is precious.

zài jǐn jí qíng kuàng xià shí jiān jiù shì shēng mìng

在紧急情况下，时间就是生命。

In an emergency, time is life.

nǐ jué de shēng mìng de yì yì shì shén me

你觉得生命的意义是什么？

What do you think is the meaning of life?

Trace each character, then write the word on your own.

生	生	生	生	生	生	生	生				
命	命	命	命	命	命	命	命	命	命	命	命